TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN GÒ VẤP** THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 450/2017/DS-ST
Ngày: 04-8-2017
V/v tranh chấp đòi lại tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa Phên tòa: Bà Châu Thị Hồng Đào

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Bá Hợp

2. Bà Phạm Thị Bích Loan

***- Thư ký Phên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Phương, thư ký Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 04 tháng 8 năm 2017 tại Phòng xử án của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 113/2017/TLST-DS ngày 04 tháng 4 năm 2017 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 1487/2017/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 7 năm 2017, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Nông Thị Vân G; cư trú tại: Đường A, phường B, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Ngô Đức T; cư trú tại Đường I, phường K, quận L, Thành phố Hồ Chí Minh; là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (Văn bản ủy quyền ngày 30 tháng 3 năm 2017) (có mặt)

- *Bị đơn*: 1. Bà Nguyễn Thị A P; cư trú tại: Đường D, phường E, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

2. Ông Đào Xuân L; cư trú tại: Đường D, phường E, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện đề ngày 10 tháng 2 năm 2017 và trong quá trình xét xử, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn – ông Ngô Đức T trình bày: Ngày 24/3/2009, bà Nông Thị Vân G cho bà Nguyễn Thị A P và ông Đào Xuân L mượn số tiền 20.000.000 đồng (hai mươi triệu) đồng, hẹn 1 tháng trả tiền vốn và

tiền lãi theo mức lãi suất 1%/1 tháng. Trên giấy mượn nợ có thể hiện nội dung bà P và ông L thế chấp cho bà G căn nhà Đường M, phường N, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh để đảm bảo số nợ nhưng bà P và ông L không có đưa cho bà G giữ bản chính giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất của căn nhà này. Vì bà P và ông L không trả cho bà G tiền vốn và tiền lời như đã thỏa thuận trong giấy vay tiền nên bà G khởi kiện yêu cầu bà P và ông L trả cho bà số nợ gốc là 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng), bà G không yêu cầu bà P và ông L trả tiền lãi.

Bà G nộp cho Tòa án các tài liệu, chứng cứ sau: Giấy mượn tiền ngày 24/3/2009, chứng minh nhân dân và hộ khẩu của bà G, chứng minh nhân dân và hộ khẩu của ông T, phiếu gửi bưu điện cho bà P và ông L ngày 13/02/2017.

2. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt Thông báo thụ lý vụ án cho bà P, ông L và triệu tập bà P, ông L đến Tòa án để ghi nhận ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng bà P, ông L không đến Tòa. Sau đó, Tòa án tống đạt thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho bà P, ông L nhưng bà P, ông L không đến Tòa, không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không cung cấp tài liệu, chứng cứ để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình và cũng không có ý kiến về các chứng cứ do nguyên đơn cung cấp.

3. Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp không tham gia phiên tòa sơ thẩm theo khoản 2 Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết vụ án và thủ tục tố tụng:

- Bà G khởi kiện yêu cầu bà P và ông L trả nợ theo giấy mượn nợ ngày 24/3/2009. Vì đã hết thời hiệu khởi kiện về tranh chấp hợp đồng vay tài sản nên bà G đòi bà P và ông L trả lại số tiền gốc. Do đó, Hội đồng xét xử xác lại định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là tranh chấp đòi lại tài sản theo quy định tại Điều 256 của Bộ luật dân sự.

Bà P và ông L cư trú tại quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp.

Tòa án đã triệu tập hợp lệ bà P và ông L tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng bà P và ông L vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà P và ông L.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Xét bà G yêu cầu bà P và ông L trả cho bà số tiền nợ gốc là 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng) theo giấy mượn nợ ngày 24/3/2009 nhưng bà P và ông L không có ý kiến phản đối đối với yêu cầu khởi kiện của bà G. Căn cứ khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Xét bà P và ông L giữ số tiền của bà G đã lâu nên Hội đồng xét xử buộc bà P và ông L trả cho bà G số tiền 20.000.000 đồng (hai mươi triệu) đồng ngay khi bản án có hiệu L pháp luật.

[3] Về án phí sơ thẩm: Bà P và ông L có nghĩa vụ trả cho bà G số tiền 20.000.000 đồng (hai mươi triệu) đồng, bà P và ông L phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 20.000.000 đồng x 5% = 1.000.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 256 của Bộ luật dân sự năm 2005;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nông Thị Vân G về việc buộc bà Nguyễn Thị A P và ông Đào Xuân L trả cho bà số tiền 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng) theo giấy mượn nợ ngày 24/3/2009.

2. Trả nợ ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật

3. Về án phí: Bà Nguyễn Thị A P và ông Đào Xuân L phải chịu tiền án phí sơ thẩm là 1.000.000 đồng (một triệu đồng).

Bà Nông Thị Vân G được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 500.000 đồng (năm trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số AA/2016/0018189 ngày 04 tháng 4 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp.

4. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu L pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan Thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PÊN TÒA

Châu Thị Hồng Đào